**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Xu hướng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta **không** phải là

**A.** hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp và cây lương thực.

**B.** phát triển các ngành tận dụng được lợi thế nguồn lao động dồi dào.

**C.** phát triển vùng kinh tế động lực, hình thành vùng kinh tế trọng điểm.

**D.** xây dựng các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất có quy mô lớn.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khu vực III (dịch vụ) trong cơ cấu GDP nước ta?

**A.** Kết cấu hạ tầng kinh tế và đô thị phát triển. **B.** Có những bước tăng trưởng ở một số mặt.

**C.** Dịch vụ đóng góp nhỏ vào tăng trưởng kinh tế. **D.** Nhiều loại hình dịch vụ mới được ra đời.

**Câu 3:** Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

**B.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

**C.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

**D.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

**Câu 4:** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?

**A.** Kinh tế Nhà nước. **B.** Kinh tế tư nhân.

**C.** Kinh tế tập thể. **D.** Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 5:** Hạn chế trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta thời gian qua là

**A.** tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm liên tục. **B.** tốc độ chuyển dịch còn chậm.

**C.** tỉ trọng dịch vụ giảm và chưa ổn định. **D.** tỉ trọng công nghiệp - xây dựng thấp.

**Câu 6:** Vùng phát triển sản xuất công nghiệp nhất ở nước ta là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 7:** Vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất nước ta là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A.** hội nhập kinh tế toàn cầu. **B.** công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**C.** phát triển nền kinh tế thị trường. **D.** phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

**Câu 2:** Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở

**A.** nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định.

**B.** cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch hợp lí.

**C.** nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.

**D.** tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ được môi trường.

**Câu 3:** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

**A.** Giảm tỉ trọng khu vực II. **B.** Tăng tỉ trọng khu vực III.

**C.** Giảm tỉ trọng khu vực I. **D.** Khu vực II chiếm tỉ trọng cao nhất.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta?

**A.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế. **B.** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

**C.** Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí. **D.** Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

**Câu 5:** Khu vực công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nước ta có tài nguyên thiên nhiên, lao động dồi dào.

**B.** Áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật hiện đại vào sản xuất.

**C.** Xu hướng của thế giới và tác động cách mạng khoa học kĩ thuật.

**D.** Đường lối chính sách, phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

**VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Chăn nuôi bò sữa ở nước ta hiện nay có xu hướng phát triển mạnh ở khu vực nào sau đây?

**A.** Đồng bằng duyên hải. **B.** Các đồng bằng ven sông.

**C.** Ven các thành phố lớn. **D.** Các cao nguyên badan.

**Câu 2:** Vùng nào có số lượng đàn trâu lớn nhất nước ta?

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 3:** Vùng có năng suất lúa lớn nhất nước ta là

**A.** đồng bằng sông Cửu Long. **B.** đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ. **D.** đồng bằng sông Hồng.

**Câu 4:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

**A.** cây lương thực. **B.** cây rau đậu. **C.** cây công nghiệp. **D.** cây ăn quả.

**Câu 5:** Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

**A.** khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. **B.** địa hình chủ yếu là đồi núi.

**C.** thị trường thế giới nhiều biến động. **D.** thiếu nguồn lao động.

**Câu 6:** Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta là

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 7:** Hai vùng phát triển nhất cả nước về chăn nuôi lợn và gia cầm là

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Đông nam Bộ.

**B.** Đông nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Đồng bằng sông Cửu Long và Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 8:** Cây công nghiệp lâu năm của nước ta chủ yếu là

**A.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, mía. **B.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dứa, lạc.

**C.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, chè. **D.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, thuốc lá.

**Câu 9:** Các cây công nghiệp hàng năm ở nước ta chủ yếu là

**A.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, dừa.

**B.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, hồ tiêu, thuốc lá.

**C.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, thuốc 1á.

**D.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, chè, dâu tàm, thuốc lá.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Loại cây công nghiệp được trồng chủ yếu trên đất ba dan và đất xám bạc màu trên phù sa cổ của nước ta là

**A.** cao su. **B.** cà phê. **C.** chè. **D.** hồ tiêu.

**Câu 2:** Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

**A.** trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu. **B.** công nghiệp chế biến còn nhiều hạn chế.

**C.** khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư thấp. **D.** thị trường tiêu thụ có nhiều biến động.

**Câu 3:** Chăn nuôi lợn phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Cơ sở thức ăn đảm bảo và thị trường lớn. **B.** Lao động dồi dào và giàu kinh nghiệm.

**C.** Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên thuận lợi. **D.** Cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật hiện đại.

**Câu 4:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của các nước đang phát triển?

**A.** cơ sở vật chất kĩ thuật lạc hậu. **B.** cơ sở thức ăn chưa đảm bảo.

**C.** trình độ lao động chưa cao. **D.** con giống cho năng suất thấp.

**Câu 5:** Để đảm bảo an ninh về lương thực đối với một nước đông dân như Việt Nam, biện pháp quan trọng nhất là

**A.** tiến hành cơ giới hóa, thủy lợi hóa và hóa học hóa.

**B.** cải tạo đất mới bồi ở các vùng cửa sông và ven biển.

**C.** đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

**D.** khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 6:** Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng chủ yếu do

**A.** đẩy mạnh thâm canh. **B.** áp dụng rộng rãi mô hình quảng canh.

**C.** đẩy mạnh xen canh, tăng vụ. **D.** mở rộng diện tích canh tác.

**Câu 7:** Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là

**A.** ứng dụng tiến bộ khoa học và kĩ thuật. **B.** đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.

**C.** tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt. **D.** phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.

**Câu 8:** Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

**A.** thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.

**B.** lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.

**C.** dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.

**D.** nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

**Câu 9:** Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là do

**A.** áp dụng nhiều biện pháp khoa học kĩ thuật. **B.** trình độ thâm canh cao hơn.

**C.** sử dụng nhiều giống cao sản. **D.** người dân có kinh nghiệm trong sản xuất.

**Câu 10:** Tỉ trọng giá trị sản xuất cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta có xu hướng tăng do

**A.** có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp.

**B.** mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**C.** cây công nghiệp có tác dụng trong việc bảo vệ môi trường.

**D.** dân cư có truyền thống sản xuất.

**Câu 11:** Khó khăn nào sau đây là chủ yếu trong phát triển chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

**A.** Nguồn đầu tư còn hạn chế, thiên tai thường xuyên tác động xấu.

**B.** Hình thức chăn nuôi nhỏ, phân tán vẫn còn phổ biến ở nhiều nơi.

**C.** Công nghiệp chế biến còn hạn chế, dịch bệnh đe dọa trên diện rộng.

**D.** Cơ sở chuồng trại có quy mô còn nhỏ, trình độ lao động chưa cao.

**Câu 12:** Lương thực là mối quan tâm thường xuyên của Nhà nước ta vì

**A.** khí hậu diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.

**B.** phần lớn nước ta có diện tích là đồi núi thấp.

**C.** điều kiện tự nhiên không phù hợp cho sản xuất lương thực.

**D.** nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống, sản xuất và xuất khẩu.

**VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN VÀ LÂM NGHIỆP**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay là

**A.** hạn chế tình trạng du canh, du cư. **B.** trồng rừng trên đất trống, đồi trọc.

**C.** triển khai Luật Bảo vệ và phát triển rừng. **D.** giao quyền sử dụng đất rừng cho người dân.

**Câu 2:** Vùng nào sau đây có nghề nuôi tôm phát triển nhất nước ta?

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 3:** Điều kiện nào **không** phải là yếu tố thuận lợi để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta?

**A.** Vùng biển rộng, giàu tài nguyên hải sản. **B.** Có nhiều ngư trường.

**C.** Có nhiều bão, áp thấp và các đợt không khí lạnh. **D.** Nhiều vũng, vịnh, đầm phá ven bờ.

**Câu 4:** Vùng nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta?

**A.** Vùng duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Vùng Đông Nam Bộ.

**C.** Vùng đồng bằng sông Hồng. **D.** Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 5:** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên với phát triển ngành thủy sản nước ta là

**A.** bão. **B.** lũ lụt. **C.** hạn hán. **D.** sạt lở bờ biển.

**Câu 6:** Vùng nào sau đây có nhiều điều kiện thuận lợi nhất để nuôi trồng thuỷ sản?

**A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 7:** Ngư trường nằm ngoài khơi xa của vùng biển nước ta là

**A.** Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa. **B.** Cà Mau - Kiên Giang.

**C.** Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu. **D.** Hải Phòng - Quảng Ninh.

**Câu 8:** Tỉnh đứng đầu cả nước về sản lượng khai thác thủy sản ở nước ta là

**A.** Kiên Giang. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Bình. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 9:** Nước ta có mấy ngư trường trọng điểm?

**A.** 4. **B.** 5. **C.** 6. **D.** 7

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

**A.** đường bờ biển dài, nhiều ngư trường, hải sản phong phú.

**B.** có nhiều sông suối, kênh rạch, ao, hồ.

**C.** có nhiều hồ thủy lợi, thủy điện.

**D.** nhiều sông suối, ao hồ, bãi triều, đầm phá, vũng. vịnh.

**Câu 2:** Nuôi trồng thủy sản nước lợ của nước ta phát triển thuận lợi ở những nơi nào sau đây?

**A.** Hồ thủy lợi, ruộng lúa ở các đồng bằng. **B.** Sông ngòi, hồ, vũng trũng ở đồng bằng.

**C.** Bãi triều, đầm, phá, dải rừng ngập mặn. **D.** Vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo.

**Câu 3:** Nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động khai thác thuỷ sản ở nước ta là

**A.** điều kiện đánh bắt. **B.** hệ thống các cảng cá.

**C.** cơ sởvật chất kĩ thuật. **D.** thị trường tiêu thụ.

**Câu 4:** Khó khăn chủ yếu đối với việc nuôi tôm ở nước ta hiện nay là

**A.** trong năm có khoảng 9 - 10 cơn bão ở Biển Đông.

**B.** hàng năm có khoảng 30 - 35 đợt gió mùa Đông Bắc.

**C.** dịch bệnh xảy ra trên diện rộng gây nhiều thiệt hại.

**D.** môi trường ở một số vùng ven biển bị suy thoái.

**Câu 5:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây là

**A.** mở rộng thị trường. **B.** phát triển công nghiệp chế biến.

**C.** tàu thuyền và ngư cụ ngày càng hiện đại. **D.** Ngư dân có nhiều kinh nghiệm.

**Câu 6:** Điều kiện thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản nước mặn ở nước ta là có

**A.** sông suối, kênh rạch và ao hồ dày đặc. **B.** diện tích mặt nước lớn ở các đồng ruộng.

**C.** nhiều bãi triều, đầm phá và cửa sông. **D.** nhiều vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo.

**Câu 7:** Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ chủ yếu vì

**A.** độ che phủ rừng của nước ta tương đối lớn và tăng rất nhanh.

**B.** rừng có giá trị lớn về kinh tế và môi trường.

**C.** nhu cầu về tài nguyên rừng lớn và phổ biến.

**D.** nước ta có ¾ diện tích là đồi núi, lại có rừng ngập mặn ở ven biển.

**Câu 8:** Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm chủ yếu là do

**A.** phá rừng để mở rông diện tích đất trồng trọt.

**B.** phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

**C.** phá rừng để khai thác gỗ, củi và lâm sản khác.

**D.** ô nhiễm môi trường đất và nước rừng ngập mặn.

**Câu 9:** Các xí nghiệp chế biến gỗ và lâm sản tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ do

**A.** tiện đường giao thông. **B.** có nguồn nguyên liệu phong phú.

**C.** gần thị trường tiêu thụ. **D.** tận dụng nguồn lao động.

**CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Ý nào sau đây **không** phải là phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

**A.** Xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt.

**B.** Đầu tư mạnh phát triển tất cả các ngành công nghiệp.

**C.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**D.** Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

**Câu 2:** Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

**A.** mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.

**B.** tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.

**C.** sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.

**D.** số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.

**Câu 3:** Đâu **không** phải là biện pháp trực tiếp để hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay?

**A.** Nâng cao chất lượng lao động, mở rộng thị trường tiêu thụ.

**B.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**C.** Ưu tiên các ngành công nghiệp trọng điểm, tăng vốn đầu tư.

**D.** Đa dạng hóa cơ cấu ngành công nghiệp, hạ giá thành sản phẩm.

**Câu 4:** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta **không** phải là ngành

**A.** có thế mạnh lâu dài. **B.** mang lại hiệu quả cao.

**C.** dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài. **D.** có tác động mạnh mẽ đến các ngành khác.

**Câu 5:** Ngành nào sau đây **không** được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

**A.** Luyện kim. **B.** Năng lượng.

**C.** Sản xuất hàng tiêu dùng. **D.** sản xuất vật liệu xây dựng.

**Câu 6:** Ngành công nghiệp nào dưới đây là ngành công nghiệp trọng điểm?

**A.** Đóng tàu, ô tô. **B.** Luyện kim.

**C.** Năng lượng. **D.** Khai thác, chế biến lâm sản.

**Câu 7:** Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất trong cả nước là

**A.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận. **B.** Duyên hải NamTrung Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 8:** Ý nào sau đây **không** đúng với ngành công nghiệp trọng điểm?

**A.** Sử dụng rất ít lao động trình độ cao. **B.** Có thế mạnh lâu dài.

**C.** Hiệu quả kinh tế cao. **D.** Tác động mạnh mẽ đến ngành khác.

**Câu 9:** Theo cách phân loại hiện hành nước ta có

**A.** 2 nhóm với 28 ngành. **B.** 3 nhóm với 29 ngành.

**C.** 4 nhóm với 30 ngành. **D.** 5 nhóm với 31 ngành.

**Câu 10:** Nhiều nhà máy thuỷ điện được xây dựng ở nước ta vì

**A.** giá thành xây dựng thấp. **B.** tiềm năng thuỷ điện rất lớn.

**C.** không tác động tới môi trường. **D.** trình độ khoa học - kĩ thuật cao.

**Câu 11:** Ở nước ta, ngành công nghiệp nào sau đây cần ưu tiên đi trước một bước?

**A.** Điện lực. **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** Chế biến dầu khí. **D.** Chế biến nông - lâm - thuỷ sản.

**Câu 12:** Tiềm năng thuỷ điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông

**A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông Hồng. **C.** Sông Thái Bình. **D.** Sông Mã.

**Câu 13:** Nhà máy thuỷ điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

**A.** Sơn La. **B.** Hoà Bình. **C.** Trị An. **D.** Yaly.

**Câu 14:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu **không** phát triển ở phía Bắc vì

**A.** gây ô nhiễm môi trường. **B.** vốn đầu tư xây dựng lớn.

**C.** xa nguồn nguyên liệu dầu - khí. **D.** nhu cầu về điện không nhiều.

**Câu 15:** Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 16:** Thủy điện là hướng chuyên môn hóa sản xuất của tuyến giao thông từ Hà Nội đến

**A.** Hòa Bình - Sơn La. **B.** Đáp cầu - Bắc giang.

**C.** Đông Anh - Thái Nguyên **D.** Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hóa.

**Câu 17:** Trung tâm công nghiệp quan trọng nhất của Đông Nam Bộ là

**A.** Tp. Hồ Chí Minh. **B.** Biên Hòa. **C.** Vũng Tàu. **D.** Thủ Dầu Một.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Vấn đề phát triển công nghiệp ở một số vùng của nước ta hiện nay đang gặp khó khăn chủ yếu là do

**A.** tài nguyên khoáng sản nghèo. **B.** nguồn lao động có tay nghề ít.

**C.** cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế. **D.** điều kiện phát triển thiếu đồng bộ.

**Câu 2:** Tác động lớn nhất của quá trình công nghiệp hóa đến nền kinh tế nước ta là

**A.** tạo thị trường có sức mua lớn. **B.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** tăng thu nhập cho người dân. **D.** tạo việc làm cho người lao động.

**Câu 3:** Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta cần phải đầu tư phát triển đi trước một bước so với các ngành khác?

**A.** Công nghiệp điện tử. **B.** Công nghiệp điện lực.

**C.** Công nghiệp hoá chất. **D.** Công nghiệp thực phẩm.

**Câu 4:** Công nghiệp ở trung du và miền núi nước ta còn gặp nhiều hạn chế trong phát triển là do

**A.** vị trí địa lí không thuận lợi. **B.** nghèo tài nguyên khoáng sản.

**C.** thiếu lao động có tay nghề. **D.** điều kiện phát triển thiếu đồng bộ.

**Câu 5:** Cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới. **B.** Thích nghi với thay đổi của thị trường khu vực.

**C.** Phù hợp với xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa. **D.** Thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp.

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phương hướng chủ yếu để tiếp tục hoàn thiện ngành công nghiệp nước ta?

**A.** Xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

**B.** Đầu tư theo chiều sâu và đổi mới trang thiết bị.

**C.** Đẩy mạnh một số ngành công nghiệp trọng điểm.

**D.** Chỉ điều chỉnh một số ngành theo nhu cầu thị trường.

**Câu 7:** Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

**A.** Các trung tâm lớn nhất phân bố tập trung ở ven biển.

**B.** Các trung tâm lớn phân bố chủ yếu ở rìa đồng bằng.

**C.** Nhiều trung tâm có giá trị sản lượng cao nhất cả nước.

**D.** Mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước.

**Câu 9:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho mức độ tập trung công nghiệp hạn chế ở khu vực trung du, miền núi nước ta?

**A.** Sự phân hóa tài nguyên thiên nhiên. **B.** Hạ tầng giao thông vận tải hạn chế.

**C.** Vị trí địa lí không có nhiều thuận lợi. **D.** Thiếu lao động có trình độ kĩ thuật.

**Câu 10:** Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta hiện nay là

**A.** nguồn tài nguyên thiên nhiên. **B.** nguồn nhân lực trình độ cao.

**C.** vị trí địa lý, thị trường tiêu thụ. **D.** sự đồng bộ của các điều kiện.

**Câu 11:** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta hiện nay là khu vực

**A.** có vốn đầu tư nước ngoài. **B.** Nhà nước.

**C.** ngoài nhà nước. **D.** kinh tế tập thể.

**Câu 12:** Việc mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế vào hoạt động công nghiệp nhằm

**A.** phát huy mọi tiềm năng.

**B.** đa dạng hóa sản phẩm.

**C.** giảm bớt sự phụ thuộc vào nền kinh tế Nhà nước.

**D.** hạn chế thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm nào sau đây?

**A.** Hòa Bình - Cà Mau. **B.** Lạng Sơn - Cà Mau.

**C.** Hòa Bình - Phú Lâm. **D.** Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 2:** Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Duyên hải miền Trung. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 3:** Các nhà máy nhiệt điện ở phía Bắc nước ta hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn nhiên liệu nào sau đây?

**A.** Khí đốt. **B.** Dầu nhập nội. **C.** Than. **D.** Năng lượng mới.

**Câu 4:** Vùng nào ở nước ta có lợi thế nhất để phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên Hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 5:** Ngành nào sau đây **không** thuộccông nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

**A.** Chế biến gạo, ngô xay xát. **B.** Dệt- may.

**C.** Sản xuất rượu, bia, nước ngọt. **D.** Chế biến chè, cà phê, thuốc lá.

**Câu 6:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta **không** có ngành nào sau đây?

**A.** gỗ và lâm sản. **B.** sản phẩm trồng trọt.

**C.** sản phẩm chăn nuôi. **D.** thủy, hải sản.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta phát triển chủ yếu dựa vào

**A.** thị trường tiêu thụ rất rộng lớn. **B.** cơ sở vật chất kỹ thuật rất tốt.

**C.** nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. **D.** nguồn nguyên liệu phong phú.

**Câu 2:** Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta chưa phát triển mạnh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** thị trường thường xuyên biến động. **B.** sự hạn chế của cơ sở nguyên liệu.

**C.** trình độ lao động còn hạn chế. **D.** giá trị nhỏ trong nông nghiệp.

**Câu 3:** Công nghiệp dệt - may của nước ta phát triển mạnh dựa trên thế mạnh nổi bật nào sau đây?

**A.** Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. **B.** Kĩ thuật, công nghệ sản xuất cao.

**C.** Nguồn vốn đầu tư nước ngoài. **D.** Nguyên liệu trong nước dồi dào.

**Câu 4:** Điểm khác nhau cơ bản giữa nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc với miền Nam là

**A.** miền Nam xây dựng gần các thành phố lớn.

**B.** miền Bắc được xây dựng sớm hơn miền Nam.

**C.** miền Nam thường có quy mô nhỏ hơn miền Bắc.

**D.** miền Bắc chạy bằng than, miền Nam bằng dầu khí.

**Câu 5:** Cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm thành 3 phân ngành là

**A.** phân bố sản xuất. **B.** đặc điểm sản xuất. **C.** nguồn nguyên liệu. **D.** công dụng sản phẩm.

**Câu 6:** Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta cần phát triển đi trước một bước?

**A.** Điện tử. **B.** Hóa chất. **C.** Cơ khí. **D.** Năng lượng.

**Câu 7:** Chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta chủ yếu do

**A.** sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng khắp.

**B.** cơ cấu đa dạng, thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập.

**C.** tỉ trọng lớn nhất, đáp ứng nhu cầu rộng, thu hút nhiều lao động.

**D.** thế mạnh lâu dài, hiệu quả cao, thúc đẩy ngành khác phát triển.

**Câu 8:** Thế mạnh lớn nhất của ngành công nghiệp dệt may nước ta là

**A.** vốn đầu tư không nhiều và sử dụng nhiều lao động nữ.

**B.** hệ thống máy móc không cần hiện đại và chi phí thấp.

**C.** nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**D.** truyền thống từ lâu đời với kinh nghiệm rất phong phú.

**Câu 9:** Ngành công nghiệp chế biến thủy sản nước ta tập trung chủ yếu tại

**A.** các vùng nguyên liệu. **B.** các đô thị lớn.

**C.** cảng biển lớn. **D.** các khu vực đông dân.

**Câu 10:** Các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ven các đô thị lớn của nước ta là do

**A.** gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại.

**B.** có lực lượng lao động đông đảo và gần nguồn nguyên liệu.

**C.** gần thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu.

**D.** gần các cơ sở chăn nuôi bò sữa quy mô lớn.

**Câu 11:** Các cơ sở chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt tập trung ven các đô thị lớn của nước ta là do

**A.** gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại.

**B.** có lực lượng lao động đông đảo và gần nguồn nguyên liệu.

**C.** gần thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu.

**D.** gần các cơ sở chăn nuôi bò sữa quy mô lớn.

**Câu 12:** Nguồn nhiên liệu chủ yếu của các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là

**A.** than. **B.** khí đốt. **C.** dầu. **D.** củi, gỗ.

**Câu 13:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than **không** phấn bố ở các tỉnh phía Nam chủ yếu do

**A.** vị trí xa vùng nhiên liệu. **B.** miền Nam không thiếu điện.

**C.** gây ô nhiễm môi trường. **D.** việc xây dựng đòi hỏi vốn lớn.

**Câu 14:** Vấn đề cấp bách được đặt ra trong phát triển công nghiệp ở nước ta hiện nay là tình trạng

**A.** gây ô nhiễm môi trường. **B.** mất đất làm nông nghiệp.

**C.** chênh lệch giàu nghèo lớn. **D.** đe dọa ngành truyền thống.

**VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**

**I. Nhận biết**

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với điểm công nghiệp?

**A.** Các xí nghiệp không có mối liên hệ sản xuất. **B.** Phân bố gần nguồn nguyên, nhiên liệu.

**C.** Chỉ bao gồm 1 đến 2 xí nghiệp riêng lẻ. **D.** Hình thành từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khu công nghiệp nước ta?

**A.** Do chính phủ quyết định thành lập. **B.** Không có ranh giới địa lí xác định.

**C.** Không có dân cư sinh sống. **D.** Chuyên sản xuất công nghiệp.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm khu công nghiệp ở nước ta?

**A.** Có ranh giới địa lí xác định. **B.** Đồng nhất với điểm dân cư.

**C.** Do Quốc hội quyết định thành lập. **D.** Chuyên sản xuất hàng xuất khẩu.

**Câu 4:** Những trung tâm công nghiệp nào sau đây được xếp vào nhóm trung tâm công nghiệp có ý nghĩa vùng?

**A.** Hải Phòng, Hà Nội, Nha Trang. **B.** Đà Nẵng, Huế, Hà Nội.

**C.** Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. **D.** TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu.

**Câu 5:** Điểm công nghiệp thường tập trung ở các vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên, Tây Bắc.

**Câu 6:** Vùng có số lượng khu công nghiệp nhiều nhất ở nước ta là

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 7:** Khu công nghiệp tập trung có đặc điểm là

**A.** thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn, đông dân.

**B.** có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.

**C.** thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

**D.** ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.

**Câu 8:** Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm rất lớn, trung tâm lớn, trung tâm trung bình, trung tâm nhỏ là dựa vào

**A.** giá trị sản xuất. **B.** vị trí địa lí. **C.** diện tích. **D.** vai trò.

**II. Thông hiểu**

**Câu 1:** Hình thức tổ chức lãnh thổ nào sau đây **không** được xem tương đương với một khu công nghiệp?

**A.** Khu chế xuất. **B.** Khu công nghệ cao.

**C.** Khu công nghiệp tập trung. **D.** Khu kinh tế mở.

**Câu 2:** Biểu hiện nào dưới đây cho thấy Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất cả nước?

**A.** Tỉ trọng giá trị công nghiệp cao nhất cả nước. **B.** Các trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất.

**C.** Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp nhất. **D.** Những trung tâm công nghiệp ở rất gần nhau.

**Câu 3:** Nước ta xây dựng các khu công nghiệp tập trung chủ yếu nhằm mục đích

**A.** sản xuất để phục vụ tiêu dùng. **B.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** đẩy mạnh sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp. **D.** tạo sự hợp tác giữa các ngành công nghiệp.

**Câu 4:** Các trung tâm công nghiệp chế biến của nước ta tập trung nhiều ở các vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

**B.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Đồng bằng sông Hồng vàĐồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Đông Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.